

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Cải tạo nâng cấp tuyến kênh tiêu Cầu Tây – Đại Chu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: “Cải tạo nâng cấp tuyến kênh tiêu Cầu Tây – Đại Chu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại thị trấn Chờ và xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; UBND huyện Yên Phong; UBND thị trấn Chờ, UBND xã Trung Nghĩa và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./v

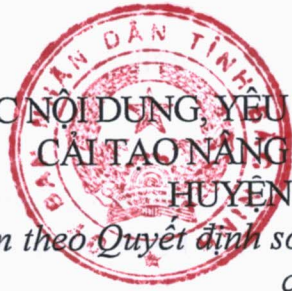
Nơi nhận: *Ja*

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TTHCC tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Quang Khải



PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
CẢI TẠO NÂNG CẤP KÊNH TIÊU CẦU TÂY – ĐẠI CHU,
HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH
(Kèm theo Quyết định số: 395/QĐ - UBND ngày 22 tháng 8 năm 2023
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Cải tạo nâng cấp tuyến kênh tiêu Cầu Tây – Đại Chu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
- Chủ dự án đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Ninh.
- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Chờ và xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong.

1.2. Phạm vi, quy mô, nhiệm vụ:

- Nạo vét, cứng hoá mặt cắt kênh với chiều dài khoảng 2.200m (trong đó nạo vét toàn tuyến 2.200m, cứng hoá mái kênh Cầu Tây từ $K_{0+800} \div K_c$ dài khoảng 200m, kênh Đại Chu từ $K_0 \div K_c$ dài khoảng 1.200m)
- Cứng hoá bờ kênh bằng bê tông xi măng dài khoảng 1.600m (hai bên bờ kênh Cầu Tây từ $K_{0+800} \div K_c$ dài khoảng 400m, kênh Đại Chu từ $K_0 \div K_c$ dài khoảng 1.200m), rải cấp phối đá dăm bờ kênh Cầu Tây từ $K_0 \div K_{0+800}$ dài khoảng 800m để làm đường quản lý vận hành, kết hợp giao thông đi lại cho nhân dân.

- Hoàn thiện các công trình trên kênh.
- Cắm mốc hành lang bảo vệ công trình thủy lợi.

1.3. Quy trình hoạt động của dự án:

Bồi thường giải phóng mặt bằng \rightarrow Nạo vét kênh \rightarrow Thi công cứng hoá kênh \rightarrow Đưa dự án đi vào hoạt động.

1.4. Các hạng mục công trình của dự án:

- Kênh Cầu Tây:

+ Đoạn $K_0 \div K_{0+833}$: dài 833m nạo vét lòng kênh với cao trình đáy kênh (2.02-:-1.93)m, mặt cắt kênh hình thang, đáy và mái kênh bằng đất độ dốc đáy kênh $i=1 \times 10^{-4}$, hệ số mái kênh $m=1.5$.

+ Đoạn $K_{0+833} \div K_1$: dài 167m kênh hiện trạng đã được gia cố hai bên bờ kênh bằng đá xây, đáy kênh bằng bê tông nên giữ nguyên hai bờ kênh, nạo vét khơi thông lòng kênh với cao trình đáy kênh (1.93-:-1.92m), mặt cắt kênh hình chữ nhật, đất độ dốc đáy kênh $i=1 \times 10^{-4}$. Bờ tả kênh kết hợp làm đường giao thông, mặt được đổ bê tông M250# đá 2x4 dày 25cm, móng đường được gia cố lớp cấp phối đá dăm loại 2 đầm chặt $k \geq 0.98$ dày 15cm, bên dưới lớp đất đầm chặt $k > 0.95$ dày 30cm, lề đường đắp bằng đất cấp III hệ số đầm chặt $k \geq 0.85$. Cao trình mặt đường (5.0-:-6.0m), dốc ngang mặt đường $i=2\%$, dốc ngang lề đường $i=4\%$.

+ Đoạn $K_1 \div K_{1+232}$: dài 232m kênh hiện trạng đã được gia cố hai bên bờ kênh bằng đá xây, đáy kênh bằng bê tông nên giữ nguyên hiện trạng kênh chỉ

nạo vét khơi thông lòng kênh với cao trình đáy kênh (1.92÷1.90m), mặt cắt kênh hình chữ nhật, đất độ dốc đáy kênh $i=0.7 \times 10^{-4}$.

- Kênh Đại Chu:

+ Đoạn $K_0 \div K_{1+230}$: dài 1230m kiên cố hóa mái kênh với cao trình đáy kênh (1,81÷1,72)m, mặt cắt kênh hình thang, đáy kênh bằng đất, độ dốc đáy kênh $i=1 \times 10^{-4}$.

+ Làm mới 01 cầu qua kênh tại K_{0+833} (kênh Cầu Tây) với mặt cầu rộng 7m.

+ Xây dựng 01 cống dọc kênh Cầu Tây tại K_{1+100} với chiều dài cống $L=19,5m$.

Làm mới 01 cống điều tiết trên kênh Đại Chu tại K_{0+00} với chiều dài cống $L=19,5m$.

Làm mới 06 cửa tiêu bờ trái tại các vị trí K_{0+500} ; K_{0+725} (kênh Cầu Tây); K_{0+190} ; K_{0+425} ; K_{1+180} (kênh Đại Chu) hình thức cống D100cm và 02 cửa tiêu bờ phải tại K_{0+925} ; K_{0+930} (kênh Đại Chu) với hình thức cống D100cm.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có chuyển đổi mục đích khoảng 7.500 m² đất trồng lúa 2 vụ do vậy là dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại điểm c khoản 1 điều 28 Luật bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Giai đoạn thi công:

+ Tác động của nước thải: Nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường, nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động xây dựng và vệ sinh máy móc trên công trường thi công.

+ Tác động của bụi, khí thải: Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải xây dựng, máy móc thiết bị thi công.

+ Tác động của chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công, hoạt động sinh hoạt, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế phương tiện, máy móc trên công trường.

+ Tác động của tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ hoạt động của phương tiện thi công trên công trường, các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

- Giai đoạn vận hành: tác động của nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động công nhân vận hành

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải:

- Giai đoạn thi công:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các cán bộ, công nhân trên công trường với lưu lượng khoảng 3 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh gây bệnh.

+ Nước thải xây dựng: Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy móc thiết bị với lưu lượng khoảng 6,72 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, váng dầu mỡ.

- Giai đoạn vận hành: Dự án không phát sinh nước thải.

3.2. Bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp và lưu giữ vật liệu, máy móc, thiết bị thi công các hạng mục công trình của Dự án, vận chuyển bóc dỡ nguyên vật liệu, hàn, sơn, đổ bê tông... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, NO_x, SO₂, VOCs,...

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện đi lại trên đường bờ kênh.

3.3. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

3.3.1. Chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động phục vụ Dự án với khối lượng khoảng 25 kg/ngày. Thành phần loại chất thải này gồm loại chứa nhiều chất hữu cơ, dễ phân hủy (thức ăn thừa) và các loại khó phân hủy như vỏ hộp thải, nilon, giấy, chai lọ nhựa và thủy tinh,....

+ Chất thải rắn xây dựng: gỗ, bê tông, thép vụn, vỏ bao xi măng, vỏ nguyên vật liệu xây dựng,... với khối lượng khoảng 430 kg/tháng.

- Giai đoạn vận hành: dự án không phát sinh chất thải.

3.3.2. Chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công: gồm giẻ lau dính dầu mỡ; thùng chứa dầu mỡ, sơn; dầu mầu que hàn; bóng đèn hỏng; dầu mỡ thải.. với khối lượng khoảng 120 kg/tháng.

- Giai đoạn hoạt động: Dự án không phát sinh chất thải nguy hại.

3.4. Tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công: Phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công (máy đào, máy xúc, xe trộn bê tông, ...)

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ các hoạt động của phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án.

3.5. Các tác động khác:

Dự án tác động đến các hộ dân bị thu hồi đất do chuyển mục đích sử dụng vĩnh viễn 7.500 m² đất trồng lúa.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

- Giai đoạn thi công:

+ Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động có kích thước phủ bì 1120 x 900 x 2600mm; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Nước thải xây dựng: bố trí bể lắng kích thước 2,2 x 1,5 x 1,2m để lắng cặn nước thải, không thải nước thải xây dựng trực tiếp vào nguồn tiếp nhận khu vực.

- Giai đoạn vận hành: dự án không phát sinh nước thải.



4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công:

+ Tất cả các thiết bị thi công phải qua kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số về khí thải, độ ồn, rung đạt quy định.

+ Phun nước tưới ẩm tại khu vực thi công.

+ Sử dụng xe có nắp để vận chuyển hoặc sử dụng bạt để che vật liệu. Vệ sinh sạch sẽ phương tiện, thùng xe chở phải sử dụng bạt để che đậy, tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh, thành bên đóng kín không để các vật liệu rơi xuống đường.

+ Xây dựng hồ nước rửa xe gần cổng ra vào công trường với độ sâu mực nước khoảng 20 cm, rộng khoảng 3m và dài khoảng 5m, có bố trí các con lươn trong hồ nước này; nền đáy hồ nước được lấp đặt các tấm thép dày để ngăn ngừa việc tạo ra hồ sinh lầy trên cổng ra vào công trường. Nước được bơm từ nguồn cấp nước cho hoạt động thi công qua ống nhựa vào hồ rửa. Các xe tải ra khỏi công trường của Dự án sẽ phải đi qua hồ nước này để rửa đất cát cuốn theo bánh xe và sẽ trang bị máy bơm có vòi phun áp lực để tăng hiệu quả làm sạch các bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu. Vị trí để phun nước được lắp đặt trước hồ nước trên công trường để làm sạch các đất đá to dính vào xe sau đó xe qua hồ nước. Tần suất rửa xe: trước khi xe ra khỏi công trường.

+ Sử dụng bạt PE để che phủ kín bãi tập kết nguyên vật liệu và thùng lưu giữ chất thải tạm thời. Bạt che phủ bãi tập kết nguyên vật liệu có kích thước 30mx40m. Bãi tập kết nguyên vật liệu có chiều cao tối đa không quá 1,5m.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan của tỉnh Bắc Ninh.

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công:

+ Đối với chất thải xây dựng: Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 03 thùng đựng rác có nắp đậy thể tích 100 lít đặt ở khu vực nhà vệ sinh lưu động. Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng hàng ngày đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công: bố trí mỗi mũi thi công 01 thùng chứa có nắp đậy thể tích 100 lít. Các thùng được dán nhãn CTNH. Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.4. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công:

+ Lên kế hoạch điều động phương tiện vận chuyển hợp lý nhằm hạn chế tiếng ồn cộng hưởng vào thời gian cao điểm các phương tiện giao thông đi lại trong ngày hay vào thời gian nghỉ ngơi của người dân.

+ Quy định tốc độ xe ra vào công trình, vận hành máy móc đúng thông số kỹ thuật đã quy định.

+ Trang bị cho công nhân đầy đủ các thiết bị phòng chống tiếng ồn, chống bụi và mũ bảo hiểm khi làm việc, các thiết bị này đảm bảo chất lượng tốt, đầy đủ cho người lao động.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1 Giám sát môi trường không khí

- Thông số giám sát: Bụi, SO₂, NO₂, CO, Tiếng ồn, Độ ẩm, Tốc độ gió, Hướng gió.

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (vị trí 1 tại kênh Cầu Tây và vị trí 2 tại kênh Đại Chu).

- Tần số thu mẫu và phân tích: 03 tháng/lần trong suốt thời gian thi công

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát môi trường nước mặt

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺, NO₂⁻, NO₃⁻, Fe, PO₄³⁻, Coliform.

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (vị trí 1 tại kênh Cầu Tây và vị trí 2 tại kênh Đại Chu).

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần trong suốt thời gian thi công.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 08-MT: 2015/BTNMT cột B1.

5.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành ổn định.

Dự án không thuộc đối tượng phải tiến hành quan trắc môi trường định kỳ trong giai đoạn vận hành ổn định./.